

BẢO HIỂM BẢO VIỆT TÂM BÌNH

Quy tắc bảo hiểm Bảo Việt Tâm Bình ban hành theo QĐ số 968/QĐ-BHBV ngày 10 tháng 03 năm 2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt



THÔNG TIN SẢN PHẨM



LỢI ÍCH

Bảo Việt Tâm Bình là sản phẩm cung cấp dịch vụ y tế nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ thăm khám và điều trị nằm viện.



PHẠM VI

Chi phí điều trị do các nguyên nhân : nằm viện - thăm khám - tai nạn - thai sản - chi phí thuốc - chụp chiếu - xét nghiệm.



GIÁ TRỊ

Áp dụng điều trị cho khách hàng có nhu cầu mong muốn dịch vụ tự nguyện tìm đến các cơ sở y tế chất lượng nhất.



DỊCH VỤ

Dịch vụ bảo lãnh 24/7. Là đơn vị đầu tiên và là đơn vị duy nhất với các sản phẩm cá nhân ổn định - tái tục và hữu ích nhất.

THÔNG ĐIỆP - GIÁ TRỊ CỐT LÕI SẢN PHẨM

- Giảm bớt gánh nặng chi phí y tế - được chăm sóc dịch vụ y tế tốt nhất có thể.
- Sản phẩm được thiết kế các mức phù hợp theo nhu cầu từng cơ sở y tế với mức phí hợp lý.
- Cho phép sử dụng tất cả cơ sở : bệnh viện công - tư nhân - phòng khám trên lãnh thổ Việt Nam

QUYỀN LỢI CHÍNH

I	QUYỀN LỢI CHÍNH	CƠ BẢN	MỞ RỘNG	NÂNG CAO	TOÀN DIỆN	ƯU VIỆT
1	Quyền lợi Nội trú	60 triệu/năm	100 triệu/năm	160 triệu/năm	220 triệu/năm	330 triệu/năm
a	Chi phí nằm viện 60 ngày/năm	21 triệu/năm	36 triệu/năm	60 triệu/năm	84 triệu/năm	120 triệu/năm
+	Tiền phòng, chi phí y tế tổng hợp.					
+	Tiền bác sỹ	400 trăm/ngày	600 trăm/ngày	1 triệu/ngày	1.4 triệu/ngày	2 triệu/ngày
+	Thai sản (sinh thường)					
b	Chi phí phẫu thuật bệnh, thai sản					
+	Phẫu thuật đặc biệt (PLII Quy tắc)	18 triệu/năm	30 triệu/năm	5triệu/năm	60 triệu/năm	97 triệu/năm
+	Phẫu thuật khác	10 triệu/năm	16 triệu/năm	30 triệu/năm	40 triệu/năm	60 triệu/năm
+	Phẫu thuật sinh con, tiểu phẫu	3 triệu/năm	5 triệu/năm	12 triệu/năm	14 triệu/năm	20 triệu/năm
c	Các chi phí khác					
+	Chi phí trước, sau nhập viện 30 ngày	500 trăm/năm	1 triệu/năm	1.5 triệu/năm	2 triệu/năm	3 triệu/năm
+	Hỗ trợ giáo dục tối đa 2 con	500 trăm/con	1 triệu/con	2 triệu/con	2 triệu/con	2.5 triệu/năm
+	Trợ cấp nằm viện công 60 ngày/năm	100 nghìn/ngày	150 nghìn/ngày	200 nghìn/ngày	250 nghìn/ngày	400 nghìn/ngày
+	Dịch vụ xe cứu thương	1 triệu/năm	2 triệu/năm	2.5 triệu/năm	3 triệu/năm	3.5 triệu/năm

QUYỀN LỢI BỔ SUNG

II	NGOẠI TRÚ - NHA KHOA	Cơ Bản	Mở Rộng	Nâng Cao	Toàn Diện	Ưu Việt
a	Tổng số tiền/năm	3 triệu/năm	3 triệu/năm	6 triệu/năm	8 triệu/năm	10 triệu/năm
+	Chi phí cho 1 lần khám	600 nghìn/lần	600 nghìn/lần	900 nghìn/lần	1.2 triệu/lần	1.5 triệu/lần
+	Chi phí khám & thuốc					
b	Nha khoa	600 nghìn/năm	600 nghìn/năm	900 nghìn/năm	1.2 triệu/năm	1.5 triệu/năm
c	Vật lý trị liệu (tối đa 20 ngày/năm)	100 nghìn/ngày	100 nghìn/ngày	100 nghìn/ngày	100 nghìn/ngày	100 nghìn/ngày
III	TỬ KỲ DO TAI NẠN	20 triệu	30 triệu	50 triệu	70 triệu	100 triệu
IV	TỬ KỲ DO TAI NẠN & BỆNH	20 triệu	30 triệu	50 triệu	70 triệu	100 triệu

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	CƠ BẢN	MỞ RỘNG	NÂNG CAO	TOÀN DIỆN	ƯU VIỆT
I. Quyền lợi chính - Năm viện và phẫu thuật nội trú do bệnh, tai nạn, thai sản					
Tổng quyền lợi bảo hiểm	60.000.000	100.000.000	160.000.000	220.000.000	330.000.000
• Đến 6 tuổi	863.000	1.510.000	1.972.000	2.414.000	3.198.000
• 7 tuổi đến 18 tuổi	535.000	936.000	1.301.000	1.593.000	2.111.000
• 19 tuổi đến 40 tuổi	584.000	1.021.000	1.420.000	1.738.000	2.303.000
• 41 tuổi đến 50 tuổi	486.000	851.000	1.183.000	1.448.000	1.919.000
• 51 tuổi đến 65 tuổi	596.000	1.042.000	1.449.000	1.774.000	2.350.000
II. Quyền lợi bổ sung - Điều trị ngoại trú do bệnh, tai nạn, biến chứng thai sản, nha khoa					
Tổng quyền lợi bảo hiểm	3.000.000	3.000.000	6.000.000	8.000.000	10.000.000
• Đến 6 tuổi	408.000	408.000	816.000	1.084.000	1.356.000
• 7 tuổi đến 18 tuổi	320.000	320.000	644.000	856.000	1.072.000
• 19 tuổi đến 40 tuổi	300.000	300.000	600.000	800.000	1.000.000
• 41 tuổi đến 50 tuổi	344.000	344.000	684.000	916.000	1.144.000
• 51 tuổi đến 65 tuổi	384.000	384.000	772.000	1.028.000	1.284.000
III. Quyền lợi bổ sung - Bảo hiểm Tai nạn cá nhân					
Tổng quyền lợi bảo hiểm	20.000.000	30.000.000	50.000.000	70.000.000	100.000.000
• Đến 6 tuổi	116.000	176.000	292.000	408.000	580.000
• 7 tuổi đến 18 tuổi	104.000	156.000	260.000	364.000	520.000
• 19 tuổi đến 40 tuổi	100.000	152.000	252.000	352.000	500.000
• 41 tuổi đến 50 tuổi	108.000	164.000	272.000	380.000	540.000
• 51 tuổi đến 65 tuổi	112.000	172.000	284.000	400.000	568.000
IV. Quyền lợi bổ sung - Bảo hiểm Sinh mạng và Tai nạn cá nhân					
Tổng quyền lợi bảo hiểm	20.000.000	30.000.000	50.000.000	70.000.000	100.000.000
• Đến 6 tuổi	132.000	196.000	324.000	456.000	652.000
• 7 tuổi đến 18 tuổi	116.000	172.000	288.000	404.000	576.000
• 19 tuổi đến 40 tuổi	108.000	164.000	272.000	384.000	548.000
• 41 tuổi đến 50 tuổi	120.000	176.000	296.000	416.000	592.000
• 51 tuổi đến 65 tuổi	128.000	188.000	316.000	444.000	632.000